

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 978/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hoa
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa**

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 779/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2755/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tô Thị Thanh D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, đường L, phường T, Tp. Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Ông Phùng Đình T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, đường L, phường T, Tp. Hồ Chí Minh.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị Thanh D trình bày:

Bà D và ông T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 23/9/2016. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, hai bên có sự quan T và chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống

đến tháng 09/2019 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là về kinh tế gia đình, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái và hơn nữa là ông T có dùng vũ lực với bà D. Đến tháng 07/2021, mâu thuẫn trở nên gay gắt hơn, bà D đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ tháng 04/2025, bà D mang theo 03 con ra ngoài sinh sống và sống ly thân với ông T từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà D và ông T không còn quan T đến cuộc sống của nhau, con cái do bà D tự chăm sóc và tự lo kinh tế để nuôi các con ăn học. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D và ông T có 03 con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 17/8/2017, Phùng Quang H, sinh ngày 12/7/2019, Phùng Xa V, sinh ngày 07/5/2021. Bà D yêu cầu được nuôi 03 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Phùng Đình T trình bày:

Ông T đồng ý với lời trình bày của bà D về quá trình xây dựng gia đình. Quá trình sống chung vợ chồng ít có lục đục. Những năm gần đây công việc của ông T không đều nên ông T không phải là trụ cột chính về kinh tế trong gia đình nhưng đối với con cái ông T vẫn luôn yêu thương và chăm sóc các con. Gia đình trước đây sống rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây nguyên nhân do bà D thích tụ tập chơi bời với bạn bè, đi chơi về đêm nên vợ chồng có xích mích với nhau. Ông T nhận thấy những gì ông đã sai với vợ ông sẽ thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình. Ông T mong muốn các con được sống trong tình yêu thương của cả cha và mẹ nên ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông T và bà D có 03 con chung. Hiện tại các con đang ở ổn định với mẹ nên ông T đồng ý để các con tiếp tục được ở với bà D.

Về tài sản chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông T có nơi cư trú tại phường T (Phường T, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn - ông Phùng Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, nên được Tòa án chấp nhận xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D:

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Bà D xin ly hôn với ông T vì nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D và ông T đã có thời gian sống ly thân từ tháng 04/2025 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai, trong quá trình hòa giải cũng như lời trình bày của bà D tại phiên tòa hôm nay đều thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà D và ông T có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn đó phát sinh từ những va chạm trong cuộc sống hàng ngày nhưng hai bên không thể giải quyết được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần, tạo nhiều cơ hội để hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã động viên để bà D quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà D không đồng ý, bà xác định không còn tình cảm với ông T. Quá trình giải quyết vụ án ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu, tôn trọng giữa hai vợ chồng. Vợ chồng phải cùng có trách nhiệm vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế giữa bà D và ông T đã không còn chung sống với nhau. Từ khi sống ly thân, bà D và ông T mạnh ai nấy sống, không còn quan T đến cuộc sống của nhau chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của bà D.

Bà D và ông T có 03 con chung tên Phùng Quang K, sinh ngày 17/8/2017, Phùng Quang H, sinh ngày 12/7/2019, Phùng Xa V, sinh ngày 07/5/2021. Hội đồng xét xử nhận thấy, các con hiện nay đang do bà D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông T không có tranh chấp về con chung. Nên việc giao con cho bà

D trực tiếp nuôi dưỡng là hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con. Do đó yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà D là có cơ sở để chấp nhận. Xét việc bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà D và ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Thanh D được ly hôn với ông Phùng Đình T (Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 23/9/2016 hết hiệu lực).

2. Về con chung: Giao trẻ Phùng Quang K, sinh ngày 17/8/2017, Phùng Quang H, sinh ngày 12/7/2019, Phùng Xa V, sinh ngày 07/5/2021 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà D phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Dương đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000352 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV7-Tp. HCM;
- THADS Tp. HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kiều Oanh